



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

**CÔNG TY CỔ
PHẦN THIẾT
BỊ ĐIỆN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3600253826, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN, L=Biên Hòa, S=Đồng Nai,
C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-03-08 13:22:48

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 38
8. Phụ lục	39 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là THI.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-251) 3 836 443 – 3 836 609
- Fax : (84-251) 3 836 070

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Thiết kế các công trình thiết bị điện;
- Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Văn Đung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Phạm Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Thảo - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,
Phước Hải Ward, Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0281/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.459.207.195.600	1.634.657.834.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	357.506.236.113	647.285.209.058
1. Tiền	111		155.255.307.660	46.852.209.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		202.250.928.453	600.433.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		479.825.829.569	352.689.650.396
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	459.401.952.031	339.929.333.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.608.379.744	7.117.943.032
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	26.214.423.155	14.380.514.051
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(9.398.925.361)	(8.738.140.581)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	612.848.778.571	625.916.042.866
1. Hàng tồn kho	141		612.857.370.605	628.114.442.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.592.034)	(2.198.399.167)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.026.351.347	8.766.932.668
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.245.344.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	9.026.351.347	3.521.587.765
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		529.023.756.750	106.657.408.224
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.744.618.102	100.866.026.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	88.453.022.884	100.235.541.673
- Nguyên giá	222		289.336.014.767	280.011.264.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.882.991.883)	(179.775.722.816)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	291.595.218	630.485.218
- Nguyên giá	228		1.763.634.725	1.763.634.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.472.039.507)	(1.133.149.507)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.9	300.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		140.279.138.648	5.791.381.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	137.552.338.102	1.049.864.806
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.726.800.546	4.741.516.527
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.988.230.952.350	1.741.315.243.212

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		842.211.977.295	647.329.298.627
I. Nợ ngắn hạn	310		803.624.357.978	608.807.676.298
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	266.350.175.972	165.834.689.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.824.134.069	19.049.616.593
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.723.380.501	-
4. Phải trả người lao động	314	V.15	36.110.400.331	29.468.149.882
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.182.164.076	12.150.466.497
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3.820.921.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	11.340.951.392	9.477.161.872
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	403.444.482.827	262.466.843.149
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	58.881.465.848	103.173.069.229
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.767.202.962	3.366.758.295
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		38.587.619.317	38.521.622.329
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	8.966.933.775	8.900.936.787
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	IV.14	29.620.685.542	29.620.685.542

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.146.018.975.055	1.093.985.944.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.146.018.975.055	1.093.985.944.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	488.000.000.000	488.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		488.000.000.000	488.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	355.386.860.247	355.386.860.247
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	72.362.153.403	72.362.153.403
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	230.269.961.405	178.236.930.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.836.930.935	178.236.930.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		223.433.030.470	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.988.230.952.350	1.741.315.243.212

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018


 Trần Thị Thu
 Người lập


 Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phan Ngọc Thảo
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.547.703.752.748	2.535.063.132.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.547.703.752.748	2.535.063.132.476
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.005.744.868.558	1.999.721.411.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		541.958.884.190	535.341.721.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.090.920.242	23.199.684.285
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.418.675.634	19.572.837.529
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.709.251.043	18.151.361.357
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	66.682.741.757	172.042.759.748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	86.780.131.031	83.181.778.432
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		410.168.256.010	283.744.029.790
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.223.631.135	3.516.519.153
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.177.060.965	9.552.729.168
13. Lợi nhuận khác	40		46.570.170	(6.036.210.015)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		410.214.826.180	277.707.819.775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	87.167.079.729	69.857.208.693
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	2.014.715.981	(2.686.383.543)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>321.033.030.470</u>	<u>210.536.994.625</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>6.140</u>	<u>6.451</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>6.140</u>	<u>6.451</u>

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018


Trần Thị Thu
Người lập

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởngPhan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		410.214.826.180	277.707.819.775
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	22.662.139.199	19.063.874.586
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.6, V.19	(45.475.533.204)	29.989.863.457
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(36.967.757.264)	(22.068.188.504)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15.709.251.043	18.151.361.357
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		366.142.925.954	322.844.730.671
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(113.884.424.974)	39.029.966.678
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.257.071.428	(142.190.000.803)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		82.397.792.153	93.679.928.467
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(136.502.473.296)	4.257.309.058
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(15.561.467.646)	(17.956.181.632)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(74.460.906.805)	(68.913.651.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	700.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(26.299.555.333)	(6.732.414.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.788.961.481	224.019.686.404
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(10.540.730.410)	(29.067.791.896)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.7	41.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.9	(300.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.385.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	48.608.899.111
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	22.753.981.424	7.928.898.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(287.744.930.804)	22.084.405.719

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	578.036.590.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1.019.003.511.121	858.435.611.833
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(878.025.871.443)	(980.334.074.626)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21	(240.800.643.300)	(115.297.779.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(99.823.003.622)</i>	<i>340.840.348.157</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(289.778.972.945)	586.944.440.280
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		647.285.209.058	60.340.768.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		357.506.236.113	647.285.209.058

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Thu
Người lập

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao áp, hạ áp; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp; thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước chủ yếu là do Công ty thay đổi tỷ lệ dự phòng bảo hành sản phẩm (xem thuyết minh số IV.13 và V.19a) và thu nhập từ lãi đầu tư trái phiếu (xem thuyết minh số VI.3).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 661 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 671 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ và tiền thuê cơ sở hạ tầng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng đã trả cho phần cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Long Đức mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

Việc trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm được ước tính bằng 02% trên doanh thu của khách hàng điện lực, 05% trên doanh thu của khách hàng Thibidi Cambodia Co., Ltd. và 02% trên doanh thu của khách hàng đại lý và khách hàng lẻ áp dụng từ tháng 4 năm 2017 (năm trước và quý 1 năm 2017 các tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm được ước tính bằng 05% trên doanh thu của khách hàng điện lực, Thibidi Cambodia Co., Ltd. và 03% trên doanh thu của khách hàng đại lý và khách hàng lẻ). Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định (tối đa 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ) và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.902.222	600.405.524
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	155.243.405.438	46.251.803.534
Các khoản tương đương tiền (*)	202.250.928.453	600.433.000.000
Cộng	<u>357.506.236.113</u>	<u>647.285.209.058</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>31.069.121.607</i>	<i>11.837.100</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	19.084.689	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	24.469.820.418	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	6.568.379.400	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	11.837.100	11.837.100

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
Phải thu các khách hàng khác	428.332.830.424		339.917.496.794			
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	109.942.429.558		150.115.238.009			
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị điện TTC	166.204.095.922		-			
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH	5.376.898.298		113.631.338.532			
Các khách hàng khác	146.809.406.646		76.170.920.253			
Cộng	459.401.952.031		339.929.333.894			
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm			
Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	422.502.870		-			
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Thiều Quang	729.000.000		393.000.000			
San Jiang Electric MFG Co., Ltd	-		2.354.232.720			
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Gia Lê	-		1.593.350.000			
Các nhà cung cấp khác	2.456.876.874		2.777.360.312			
Cộng	3.608.379.744		7.117.943.032			
4. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tạm ứng	5.341.656.333	-	7.970.044.321	-		
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	455.985.558	-	2.356.250.000	-		
Lãi dự thu trái phiếu	16.072.222.100	-	-	-		
Thuế thu nhập cá nhân chi hộ người lao động	494.968.456	-	2.314.278.810	-		
Thuế thu nhập cá nhân đang làm thủ tục hoàn	3.849.590.708	-	1.739.940.920	-		
Cộng	26.214.423.155	-	14.380.514.051	-		
5. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Minh Vàng - phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.305.726.571	-	Trên 03 năm	1.305.726.571	-
Công ty TNHH Nam Tiến - phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.020.334.270	-	Trên 03 năm	1.020.334.270	-
Xí nghiệp Tư doanh Tân Trường Sơn - phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.573.903.338	-	Trên 02 năm dưới 03 năm	1.673.903.338	502.171.001

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm			Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Nguyễn Văn Lý - phải thu tiền bán hàng	Trên 02 năm dưới 03 năm	1.794.004.598	-	Trên 01 năm	1.794.561.058	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 02 năm đến trên 03 năm	3.718.416.904	13.460.320	Trên 01 năm đến trên 03 năm	3.797.884.808	352.098.463
Cộng		9.412.385.681	13.460.320		9.592.410.045	854.269.464

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.738.140.581	19.392.588.644
Trích lập dự phòng bổ sung	660.784.780	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(5.778.415.389)
Xóa nợ	-	(4.876.032.674)
Số cuối năm	9.398.925.361	8.738.140.581

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	3.924.698.825	-	6.109.305.270	-
Nguyên liệu, vật liệu	243.024.446.283	-	227.760.523.761	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	68.586.494.409	-	129.343.329.382	-
Thành phẩm	297.321.731.088	(8.592.034)	264.901.283.620	(2.198.399.167)
Cộng	612.857.370.605	(8.592.034)	628.114.442.033	(2.198.399.167)

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.198.399.167	2.198.399.167
Hoàn nhập dự phòng	(2.189.807.133)	-
Số cuối năm	8.592.034	2.198.399.167

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.745.514.589	173.598.950.140	25.746.986.104	5.919.813.656	280.011.264.489
Mua trong năm	-	6.895.330.410	3.645.400.000	-	10.540.730.410
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.215.980.132)	-	(1.215.980.132)
Số cuối năm	74.745.514.589	180.494.280.550	28.176.405.972	5.919.813.656	289.336.014.767

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.121.643.977	84.878.256.423	9.938.437.224	4.604.679.839	110.543.017.463
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	42.725.601.498	118.268.376.520	13.658.289.017	5.123.455.781	179.775.722.816
Khấu hao trong năm	3.183.714.549	16.000.174.664	2.791.365.976	347.994.010	22.323.249.199
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.215.980.132)	-	(1.215.980.132)
Số cuối năm	45.909.316.047	134.268.551.184	15.233.674.861	5.471.449.791	200.882.991.883
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.019.913.091	55.330.573.620	12.088.697.087	796.357.875	100.235.541.673
Số cuối năm	28.836.198.542	46.225.729.366	12.942.731.111	448.363.865	88.453.022.884
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 56.629.299.159VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

8. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	1.763.634.725	1.133.149.507	630.485.218
Khấu hao trong năm		338.890.000	
Số cuối năm	1.763.634.725	1.472.039.507	291.595.218

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 408.074.725VND.

9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trái phiếu dài hạn với giá gốc bằng giá trị ghi sổ. Thông tin về các trái phiếu Công ty đang nắm giữ như sau:

9.1. Trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB:

- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND
- Số lượng trái phiếu : 100
- Ngày phát hành : 09/01/2017
- Ngày đáo hạn : 09/01/2019
- Lãi suất trái phiếu : Lãi suất trái phiếu: lãi suất áp dụng cho hai kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu sẽ được xác định bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) ("Lãi suất tham chiếu") công bố tại Sở Giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao Dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) (gọi riêng là "Ngân hàng tham chiếu" và gọi chung là "các Ngân hàng tham chiếu") tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ 04%/năm.

- Ngày xác định lại suất : Ngày làm việc đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi.
- Kỳ tính lãi : 06 tháng/lần
- Ngày thanh toán lãi đầu tiên : Ngày 09/7/2017, kỳ tiếp theo thanh toán lãi vào các ngày 09/01 và 09/7 hàng năm.

9.2. Trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển bất động sản Tây Hồ Tây:

- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND
- Số lượng trái phiếu : 200
- Ngày phát hành : 06/01/2017
- Ngày đáo hạn : 06/01/2019
- Lãi suất trái phiếu : Lãi suất trái phiếu: lãi suất áp dụng cho hai kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu sẽ được xác định bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) ("Lãi suất tham chiếu") công bố tại Sở Giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao Dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) (gọi riêng là "Ngân hàng tham chiếu" và gọi chung là "các Ngân hàng tham chiếu") tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ 04%/năm.
- Ngày xác định lại suất : Ngày làm việc đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi.
- Kỳ tính lãi : 06 tháng/lần
- Ngày thanh toán lãi đầu tiên : Ngày 06/7/2017, kỳ tiếp theo thanh toán lãi vào các ngày 06/01 và 06/7 hàng năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.395.435.578	1.049.864.806
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	135.156.902.524	-
Cộng	137.552.338.102	1.049.864.806

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.741.516.527	2.055.132.984
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.014.715.981)	2.686.383.543
Số cuối năm	2.726.800.546	4.741.516.527

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	192.735.398.754	18.869.400
Tổng Công ty Cổ Phần Thiết bị điện Việt Nam	100.497.289.650	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	5.371.559.098	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	86.866.550.006	18.869.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	73.614.777.218	165.815.820.381
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị điện TTC	-	132.593.256.382
Công ty Cổ phần Ngô Han	35.420.000.000	6.336.534.255
Các nhà cung cấp khác	38.194.777.218	26.886.029.744
Cộng	266.350.175.972	165.834.689.781

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại & Xây lắp công nghiệp Sài Gòn	-	3.524.762.776
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng điện Phan An	901.789.376	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị điện TTC	-	7.184.331.880
Công ty TNHH Xây dựng Và Thương mại Minh Thịnh	547.110.100	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng điện Chung Nam	450.000.000	-
Các khách hàng khác	1.925.234.593	8.340.521.937
Cộng	3.824.134.069	19.049.616.593

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	335.609.570	32.854.137.325	(41.544.879.102)	-	9.026.351.347
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	22.046.329.435	(22.046.329.435)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.706.817.888	(2.706.817.888)	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.034.912.802	87.167.079.729	(74.460.906.805)	10.671.260.122	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.151.065.393	16.557.830.310	(14.354.644.538)	1.052.120.379	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	-	3.521.587.765	161.337.194.687	(155.118.577.768)	11.723.380.501	9.026.351.347

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	410.214.826.180	277.707.819.775
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	37.045.455.626	54.851.735.732
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.775.404.784)	(14.096.245.184)
Thu nhập chịu thuế	429.484.877.022	318.463.310.323
Thu nhập được miễn thuế	(1.958.400.000)	(6.528.000.000)
Thu nhập tính thuế	427.526.477.022	311.935.310.323
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	85.505.295.404	62.387.062.065
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.661.784.325	7.470.146.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	87.167.079.729	69.857.208.693

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Đơn giá tiền lương năm 2017 căn cứ vào đơn giá theo sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong năm được thực hiện theo Quyết định về phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương năm 2017 số 01/2018/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 01 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	342.963.122	195.179.725
Chi phí hoa hồng	6.689.828.576	7.410.122.870
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.149.372.378	4.545.163.902
Cộng	<u>9.182.164.076</u>	<u>12.150.466.497</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	10	191.167.681
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	168.566.390	2.393.532.422
Cổ tức phải trả	10.091.818.469	6.892.461.769
Thuế thu nhập cá nhân phải hoàn trả người nộp	1.080.566.523	-
Cộng	<u>11.340.951.392</u>	<u>9.477.161.872</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa ⁽ⁱ⁾	336.165.814.061	214.303.904.061
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	67.278.668.766	48.162.939.088
Cộng	<u>403.444.482.827</u>	<u>262.466.843.149</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định (xem thuyết minh số V.6 và V.7).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từ 04 đến 06 tháng để bổ sung vốn lưu động.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	262.466.843.149
Số tiền vay phát sinh	1.019.003.511.121
Số tiền vay đã trả	<u>(878.025.871.443)</u>
Số cuối năm	<u>403.444.482.827</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	103.173.069.229	67.179.625.797
Số trích lập/(Số hoàn nhập)	(44.280.678.381)	36.033.715.610
Số sử dụng	(10.925.000)	(40.272.178)
Số cuối năm	<u>58.881.465.848</u>	<u>103.173.069.229</u>

Do thay đổi tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành (xem thuyết minh số IV.13) nên đã làm chi phí bảo hành trong năm giảm 28.064.577.661 VND so với trích lập dự phòng bảo hành theo tỷ lệ trước đây.

19b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến trợ cấp mất việc làm của người lao động. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.900.936.787	9.193.252.687
Tăng do trích lập	334.167.530	-
Số sử dụng	(268.170.542)	(292.315.900)
Số cuối năm	<u>8.966.933.775</u>	<u>8.900.936.787</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.366.758.295	(21.748.755.435)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	25.000.000.000	31.609.724.893
Tăng thu nguồn khen thưởng từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	600.000.000	-
Tăng khác	100.000.000	238.203.255
Chi quỹ	(26.299.555.333)	(6.732.414.418)
Số cuối năm	<u>2.767.202.962</u>	<u>3.366.758.295</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	345.469.690.000	345.469.690.000
Các cổ đông khác	142.530.310.000	142.530.310.000
Cộng	<u>488.000.000.000</u>	<u>488.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.800.000	48.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.800.000	48.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.800.000	48.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.800.000	48.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.800.000	48.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 3 năm 2017 như sau:

	<u>Số dự phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm 2016</u>	<u>Số trích trong năm 2017</u>
• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.000.000.000	-	25.000.000.000
• Trích thưởng Ban điều hành (tỷ lệ 02% lợi nhuận sau thuế)	4.210.739.892	4.210.739.892	-
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (tỷ lệ 40% vốn điều lệ)	195.200.000.000	48.800.000.000	146.400.000.000
Cộng	224.410.739.892	53.010.739.892	171.400.000.000

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2017 số tiền 97.600.000.000 VND (tỷ lệ 20% vốn điều lệ).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.283.338.895	927.784.789
Trên 01 năm đến 05 năm	9.133.355.578	3.711.139.155
Trên 05 năm	76.565.289.059	27.182.823.374
Cộng	87.981.983.532	31.821.747.318

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Công ty thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Tiền thuê đất hàng năm trả theo thông báo, đơn giá thuê năm 2017 là 7.858 đồng/m²/năm (theo thông báo số 6908/TB-CT ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai áp dụng ổn định từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2020) và được tính cho số cuối năm, số đầu năm tính theo đơn giá thuê chưa điều chỉnh là 17.400 đồng/m²/năm. Phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.
- Trong năm, Công ty có ký hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng 70.772 m² đất tại Khu công nghiệp Long Đức dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến ngày 16 tháng 10 năm 2057. Tiền thuê đất hàng năm Công ty trả theo thông báo của Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Công ty chưa nhận thông báo về giá thuê đất phải nộp. Công ty chỉ tính phí phải trả bảo hành cơ sở hạ tầng với mức phí là 1.990 đồng/m²/năm.

22b. Tài sản nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận giữ hộ một số hàng hóa khách hàng gửi lại với trị giá hàng hóa theo giá bán cả thuế GTGT là 57.922.726.450 VND (năm trước là 0 VND).

22c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	3.948.786,62	411.308,45
Euro (EUR)	-	2.800,00
Dollar Úc (AUD)	-	12.050,00
Yên Nhật (JPN)	-	906.000,00

22d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Linh Khôi	344.746.741	344.746.741	Giám đốc doanh nghiệp mất
Công ty TNHH Xây dựng & Xây lắp điện Tiến An	77.269.360	77.269.360	Doanh nghiệp bỏ trốn
Công ty TNHH Xây dựng điện Liên Đạt	211.284.850	211.284.850	Doanh nghiệp không còn hoạt động
Công ty TNHH MTV Thương mại - Sản xuất - Xây dựng điện Tân Trường Thọ	281.722.300	281.722.300	Doanh nghiệp không còn hoạt động
Công ty TNHH Phương Nam - Trà vinh	345.595.985	345.595.985	Doanh nghiệp không có tài sản thi hành án
Công ty TNHH Xây lắp điện Long Vân	1.103.578.504	1.103.578.504	Doanh nghiệp không còn hoạt động
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	2.511.834.934	2.511.834.934	Doanh nghiệp không còn hoạt động
Cộng	4.876.032.674	4.876.032.674	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	2.132.183.773.189	2.405.136.712.475
Doanh thu bán vật tư	404.771.500.382	126.129.811.881
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.748.479.177	3.796.608.120
Cộng	<u>2.547.703.752.748</u>	<u>2.535.063.132.476</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		
Bán hàng hóa	17.349.717	27.000.000
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam		
Bán hàng hóa	122.852.893.869	-
Bán thành phẩm	830.488.000	-
Cung cấp dịch vụ	3.061.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội		
Bán thành phẩm	18.412.416.950	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.607.548.951.672	1.876.814.967.214
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	396.504.407.698	118.974.810.021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.881.316.321	3.931.634.027
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.189.807.133)	-
Cộng	<u>2.005.744.868.558</u>	<u>1.999.721.411.262</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.252.261.304	3.757.148.504
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	306.205.340	366.639.750
Cổ tức được chia	1.958.400.000	6.528.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	11.783.040.000
Lãi đầu tư trái phiếu	27.715.277.778	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	725.670.916	749.434.898
Doanh thu khác	133.104.904	15.421.133
Cộng	<u>38.090.920.242</u>	<u>23.199.684.285</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.709.251.043	18.151.361.357
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	681.271.901	1.680.533.035
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(265.436.764)
Chi phí khác	28.152.690	6.379.901
Cộng	<u>16.418.675.634</u>	<u>19.572.837.529</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.494.358.208	31.290.829.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.779.345.931	1.101.131.241
Dự phòng/(Hoàn nhập) bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(44.280.678.381)	36.033.715.610
Chi phí hoa hồng, chiết khấu bán hàng	24.196.877.508	50.394.755.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.749.861.902	17.711.290.050
Các chi phí khác	37.742.976.589	35.511.037.554
Cộng	<u>66.682.741.757</u>	<u>172.042.759.748</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	38.641.986.741	39.450.297.748
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.982.085.739	4.973.088.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.340.028.579	2.187.611.839
Thuế, phí và lệ phí	2.868.088.952	640.100.443
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	660.784.780	(5.778.415.389)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.990.095.908	11.169.346.682
Các chi phí khác	34.297.060.332	30.539.748.702
Cộng	<u>86.780.131.031</u>	<u>83.181.778.432</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	41.818.182	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	22.727.272	242.180.801
Các khoản thu nhập khác	1.159.085.681	3.274.338.352
Cộng	<u>1.223.631.135</u>	<u>3.516.519.153</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	26.126.370	1.087.504.699
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.136.934.595	8.465.224.469
Phạt vi phạm hành chính	14.000.000	-
Cộng	<u>1.177.060.965</u>	<u>9.552.729.168</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	321.033.030.470	210.536.994.625
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.000.000.000)	(25.000.000.000)
Trích thưởng Ban điều hành	(6.420.660.609)	(4.210.739.893)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	299.612.369.861	181.326.254.732
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	48.800.000	28.109.470
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>6.140</u>	<u>6.451</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.403.700.125.862	1.741.543.911.069
Chi phí nhân công	168.239.305.586	169.102.938.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.662.139.199	19.063.874.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.239.098.417	35.627.344.542
Chi phí khác	111.247.221.891	241.289.622.551
Cộng	<u>1.732.087.890.955</u>	<u>2.206.627.691.602</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.172.493.354	2.346.435.845
Phụ cấp	1.020.000.000	2.850.513.436
Tiền thưởng	2.336.439.739	3.657.769.928
Cộng	5.528.933.093	8.854.719.209

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 70,79% cổ phần
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	Công ty con của Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		
Mua vật tư	379.864.624.087	14.519.370.000
Cổ tức phải trả	172.834.845.000	65.824.025.000
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam		
Mua vật tư	107.452.375.165	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội		
Mua vật tư	4.918.826.000	3.483.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện		
Mua vật tư	341.253.526.146	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 01 pha.
- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 03 pha.
- Các lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	13.351.860.247	57.362.153.403	207.109.661.203 (71.998.410.000)	457.823.674.853
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	71.998.410.000	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	236.001.590.000	342.035.000.000	-	210.536.994.625	578.036.590.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(46.609.724.893)	210.536.994.625
Trích lập các quỹ	-	-	15.000.000.000	(120.801.590.000)	(31.609.724.893)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(120.801.590.000)
Số dư cuối năm trước	488.000.000.000	355.386.860.247	72.362.153.403	178.236.930.935	1.093.985.944.585
Số dư đầu năm nay	488.000.000.000	355.386.860.247	72.362.153.403	178.236.930.935	1.093.985.944.585
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	321.033.030.470	321.033.030.470
Trích lập các quỹ	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(244.000.000.000)	(244.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	488.000.000.000	355.386.860.247	72.362.153.403	230.269.961.405	1.146.018.975.055

Đơn vị tính: VND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 BÁO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến thể 1 pha	Máy biến thể 3 pha	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	614.751.151.005	1.517.432.622.184	415.519.979.559	-	2.547.703.752.748
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	614.751.151.005	1.517.432.622.184	415.519.979.559	-	2.547.703.752.748
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	118.214.458.523	406.420.362.994	15.134.255.540	-	539.769.077.057
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(151.273.065.655)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					388.496.011.402
Doanh thu hoạt động tài chính					38.090.920.242
Chi phí tài chính					(16.418.675.634)
Thu nhập khác					1.223.631.135
Chi phí khác					(1.177.060.965)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(87.167.079.729)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.014.715.981)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					321.033.030.470
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	644.174.647.665	1.761.217.244.810	129.671.240.001	-	2.535.063.132.476
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	644.174.647.665	1.761.217.244.810	129.671.240.001	-	2.535.063.132.476
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	174.071.850.360	340.589.372.443	20.680.498.410	-	535.341.721.214
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(255.224.538.180)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					280.117.183.034
Doanh thu hoạt động tài chính					23.199.684.285
Chi phí tài chính					(19.572.837.529)
Thu nhập khác					3.516.519.153
Chi phí khác					(9.552.729.168)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(69.857.208.693)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.686.383.543
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					210.536.994.625
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
Tổng giá trị các khoản chi phí lên không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					

3382
 GT
 PHẢ
 B|DI
 A-T.9

5004498
 CÔNG
 NHÌEM
 TOÁN VÀ
 A &
 H-T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.988.230.952.350
Tổng tài sản					<u>1.988.230.952.350</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					842.211.977.295
Tổng nợ phải trả					<u>842.211.977.295</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.741.315.243.212
Tổng tài sản					<u>1.741.315.243.212</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					647.329.298.627
Tổng nợ phải trả					<u>647.329.298.627</u>



(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



(Handwritten signature)

Trần Thị Thu
Người lập